

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THỊ XÃ G
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **68** /2017/DS-ST

Ngày: 13/6/2017;

V/v Tranh chấp: “Hợp đồng vay tài sản”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THỊ XÃ G, TỈNH TIỀN GIANG
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Trần Văn Công**.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Đỗ Văn Riều**.

2. Ông **Võ Văn Công**.

Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên tòa: Bà **Trần Thị An Thu** – Thư ký Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:

Bà **Phạm Thị Kim Trinh** – Kiểm sát viên.

Trong ngày 13 tháng 6 năm 2017 lúc 08 giờ, tại trụ sở Tòa án nhân dân thị xã G, tỉnh Tiền Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 32 /2017/TLST-DS ngày 05 tháng 4 năm 2017 về việc Tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 46/2017/QĐST-DS ngày 18 tháng 5 năm 2017, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông **Phạm Văn H**, sinh năm: 1959 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Bị đơn: Ông **Trần Long H1**, sinh năm: 1968 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp M, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Người làm chứng:

1/ Nguyễn Văn T, sinh năm 1976 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

2/ Nguyễn Văn B, sinh năm 1970 (có mặt);

Địa chỉ: Ấp C, xã B, thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 23 tháng 3 năm 2017, tại lời khai và tại phiên tòa, nguyên đơn ông Phạm Thanh H trình bày:

Vào ngày 08 tháng 11 năm 2010 ông Trần Long H1 có nhờ tôi mượn số tiền là 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) cho đến tháng 2 năm 2015 ông có trả cho tôi 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), cho đến nay ông không trả nữa.

Nay tôi yêu cầu ông Trần Long H1 trả cho ông số tiền là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng), trả làm một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Tại lời khai ngày 18 tháng 4 năm 2017 và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần Long H1 trình bày:

Vào ngày 08 tháng 11 năm 2010 tôi có vay của ông Phạm Thanh H số tiền 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng), lãi suất là 20 phần trăm, tôi trả lãi cho ông H là 14 tháng.

Sau đó tôi không trả nữa, ông H tính 45.000.000đ (Bốn mươi lăm triệu đồng) tôi đồng ý. Đến năm 2014 tôi mới trả cho ông H là 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng) và xin lãi ông H là 25.000.000 đồng ông H đồng ý. Trong lúc tôi trả tiền tại nhà của ông Nguyễn Văn B và có Nguyễn Văn T, nên 02 người này làm chứng. Cho nên ông không đồng ý trả 25.000.000đ cho ông H.

Tại lời khai ngày 12 tháng 5 năm 2017 và tại phiên tòa, người làm chứng ông Nguyễn Văn B trình bày:

Vào ngày nào thì tôi không nhớ, lúc 08 giờ sáng tôi ở nhà thì có ông H1 đến chơi, rồi ông H đến chơi khoảng nửa giờ sau thì tôi nghe ông H1 nói tới vụ tiền thiếu của ông H1 đã vay ông H, tôi mới nghe ông H1 xin ông H trả lại phần vốn là 20.000.000 đồng, nhưng ông H không đồng ý, rồi hai bên nói chuyện qua lại, rồi ông H1 mới nói với ông H, nếu ông không chịu thì tiền này tôi trả cho người khác, rồi hai người làm thinh khoảng 15 phút sau ông H mới đồng ý cho ông H1 trả 20.000.000 đồng vốn, rồi ông H1 kêu ông H ngồi tại nhà tôi, còn ông H1 đi về nhà lấy tiền lên trả cho ông H là 20.000.000 đồng. Tôi nghe ông H1 và ông H nói qua lại với số tiền vốn và lãi là khoảng bốn mươi mấy triệu.

Tại bản tự khai ngày 12 tháng 5 năm 2017 người làm chứng ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ngày không nhớ, hôm đó tôi qua nhà ông Nguyễn Văn B chơi lúc khoảng 8 giờ thì có thấy ông H và ông H1 đang bàn chuyện tiền bạc. Nghe nói là ông H1 có thiếu tiền ông H 20.000.000 đồng. Tôi nghe ông H1 xin tiền lãi với ông H, tôi thấy ông H chịu cho lãi và lấy vốn lại là 20.000.000 đồng. Tôi nghe ông H1 không có mang tiền theo nên đi về nhà lấy tiền để trả cho ông H, lúc này tôi đi về nhà luôn.

Tại biên bản hòa giải ngày 17 tháng 5 năm 2017 thì ông Phạm Thanh H trình bày số tiền 45.000.000 đồng là tiền vốn, không có tiền lãi. Ông H thừa nhận là có đồng ý lấy số tiền 20.000.000 đồng của ông H1 trả tại nhà của ông B, rồi ông H đi về, chứ không nói cho tiền lãi gì cả, vì số tiền này là tiền vốn.

Đối với ông Trần Long H1, Nguyễn Văn B và Nguyễn Văn T vẫn giữ nguyên nội dung trình bày như nội dung của bản tự khai như nêu trên.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Xét thấy từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án thì Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và những người tham gia tố tụng có thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Về việc giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh H. Buộc ông Trần Long H1 có nghĩa vụ trả cho ông Phạm Thanh H số tiền 25.000.000 đồng và chịu án phí sơ thẩm theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa. Xét thấy Tòa án thụ lý vụ án dân sự có thực hiện đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, đây là loại tranh chấp “Hợp đồng vay tài sản”.

Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phạm Thanh H đòi bị đơn Trần Long H1 trả cho ông số tiền là 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng) là có căn cứ pháp luật.

Bởi lẽ, ông Phạm Thanh H có chứng minh 01 biên nhận nợ ghi ngày 08 tháng 11 năm 2010, người viết biên nhận là Trần Long H1 (bản chính), nội dung biên nhận ghi: “Tôi tên Trần Long H1. Hiện ngụ ấp M, xã. Tôi có mượn anh Phạm Thanh H ấp C số tiền là 45 triệu (Bốn mươi lăm triệu chẵn). Ngày 8/11/2010. Người viết biên nhận, ký tên Trần Long H1”. Theo nội dung biên nhận thì không có ghi mức lãi suất, không có ghi thời hạn trả tiền. Cho nên Hội đồng xét xử xác định đây là trường hợp vay không lãi và thực hiện hợp đồng vay không kỳ hạn. Thực tế hợp đồng vay tài sản vào ngày 08/11/2010 cho đến tháng 02 năm 2015 thì ông H và ông H1 đã có thực hiện được một phần với số tiền là 20.000.000 đồng, còn lại 25.000.000 đồng kéo dài cho đến nay.

Ông Trần Long H1 có thừa nhận biên nhận nợ ghi ngày 08 tháng 11 năm 2010 là do chính ông viết và ký tên, nhưng ông H1 cho rằng số tiền 45.000.000 đồng thì trong đó có tiền vốn là 20.000.000 đồng và tiền lãi 25.000.000 đồng. Đến khoản tháng 02 năm 2015 ông H1 có trả vốn cho ông H 20.000.000 đồng, còn lại tiền lãi 25.000.000 đồng ông nói xin phần tiền lãi thì được ông H đồng ý, xem như xong toàn bộ số nợ, nên tại phiên tòa ông H1 không đồng ý trả 25.000.000 đồng cho ông H.

Theo quy định khoản 1 Điều 477 của Bộ luật dân sự năm 2005 và khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015 có phù hợp về nội dung: Đối với hợp đồng vay không kỳ hạn và không có lãi thì bên cho vay có quyền đòi lại tài sản và bên vay cũng có quyền trả nợ vào bất cứ lúc nào, nhưng phải báo cho nhau biết trước một thời gian hợp lý, nếu không có thỏa thuận khác.

Theo lời khai của ông Phạm Thanh H thì ông H có thừa nhận là không nhớ ngày vào tháng 02 năm 2015 thì ông có nhận 20.000.000 đồng do ông H1 trả tại nhà ông B, nhưng ông H không có nói cho ông Trần Long H1 số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Ông H cho rằng còn lại số tiền 25.000.000 đồng thấy ông H1 đang gặp khó khăn, nên không đòi nợ tiếp, đến gần tết năm 2017 thì nghe ông H1 kêu bán đất, nên ông H điện thoại gặp ông H1 nói đòi nợ thì ông H1 không trả, cho nên ngày 08 tháng 02 năm 2017 ông H làm đơn kiện đòi nợ gởi đến tổ hòa giải Ấp M, xã B, thị xã G.

Đến ngày 20 tháng 02 năm 2017 tổ hòa giải ấp M tiến hành hòa giải nhưng không thành. Ngày 23 tháng 3 năm 2017 ông Đ khởi kiện tại Tòa án yêu cầu giải quyết.

Theo lời khai của người làm chứng là ông Nguyễn Văn B và ông Nguyễn Văn T thì có nghe ông H1 xin phần tiền lãi, chỉ trả số tiền vốn là 20.000.000 đồng, lúc đó thấy ông H có nhận tiền do ông H1 trả, nghĩ là ông H đã đồng ý, thực tế thì 02 ông không có nghe trực tiếp ông H nói cho ông H1 số tiền lãi.

Hợp đồng tặng cho tài sản được quy định tại Điều 465 Bộ luật Dân sự năm 2005 và Điều 457 Bộ luật Dân sự 2015 có phù hợp về nội dung: Hợp đồng tặng cho tài sản là sự thỏa thuận giữa các bên, theo đó bên tặng cho giao tài sản của mình và chuyển quyền sở hữu cho bên được tặng cho mà không yêu cầu đền bù, bên được tặng cho đồng ý nhận.

Như vậy, ông Phạm Thanh H không có thỏa thuận với ông Trần Long H1, cho nên theo lời khai của ông Trần Long H1 là không có căn cứ pháp luật để chấp nhận về việc ông H thỏa thuận tặng cho ông H1 số tiền 25.000.000đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Do hợp đồng vay tài sản được xác lập theo quy định Bộ luật Dân sự năm 2005, nhưng đã có thực hiện trước ngày 01 tháng 01 năm 2017 với số tiền là 20.000.000 đồng, còn lại 25.000.000 đồng đến nay chưa thực hiện, thấy về nội dung và hình thức có phù hợp với quy định của Bộ luật Dân sự năm 2015, nên Hội đồng xét xử áp dụng quy định Bộ luật dân sự năm 2015 để giải quyết.

Trên cơ sở nhận định, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Phạm Thanh H về việc đòi ông Trần Long H1 trả số tiền là 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Buộc ông Trần Long H1 có nghĩa vụ trả số tiền là 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng) cho ông Phạm Thanh H1. Về thời gian thực hiện khi án có hiệu lực pháp luật là hợp lý.

Về án phí: Ông Trần Long H1 phải chịu án phí sơ thẩm là 1.250.000 đồng.

Xét thấy đại diện Viện kiểm sát đề nghị giải quyết vụ án là có phù hợp với phần nhận định, nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng vào Điều 463, 466, khoản 1 Điều 469 của Bộ luật dân sự năm 2015; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Buộc ông Trần Long H1 có nghĩa vụ trả lại cho ông Phạm Văn H số tiền là 25.000.000 đ (Hai mươi lăm triệu đồng).

Về thời gian thực hiện khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Về án phí:

Ông Trần Long H1 phải chịu tiền án phí sơ thẩm là 1.250.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi ngàn đồng).

Ông Phạm Thanh H được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 625.000đ (Sáu trăm hai mươi lăm ngàn đồng) theo biên lai thu tiền số 41689 ngày 28 tháng 3 năm 2017 của Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã G, tỉnh Tiền Giang.

Về nghĩa vụ thi hành án:

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo:

Các đương sự có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ tuyên án.

Án tuyên kết thúc cùng ngày.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện KSTX G;
- Chi cục THATX G;
- Lưu hồ sơ, án văn.

TRẦN VĂN CÔNG